

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1014/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 8 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Chí

Bà Nguyễn Thị Lý

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyền, thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thùy - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 8 năm 2024 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 840/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 366/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Tấn C, sinh năm 1976; địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà H, ông C vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 6 năm 2024, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn trình bày:

Tôi và ông Trần Tấn C tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 171 quyền số 01 ngày 03/12/2002.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất quan điểm sống về mọi mặt như cách sống, cách nghĩ, cách ăn uống, cách nuôi dạy con Tôi và ông C có vài lần ngồi lại nói chuyện nhưng không giải tỏa được mâu thuẫn, cả tôi và ông C đều giữ cái “tôi” của mình nên vợ chồng chung sống ngày càng thẳng và mệt mỏi. Chúng tôi sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên Trần Hoàng N, sinh ngày 06/11/2004 đã trưởng thành và Trần Đại P, sinh ngày 06/11/2007.

Tôi yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Trần Đại P, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 09 tháng 7 năm 2024, ông Trần Tấn C trình bày:

Tôi thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn và con chung. Từ năm 2022, tôi và bà H phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc do tôi làm ăn thua lỗ dẫn đến việc bà H phải trả nợ cho tôi. Nay, tôi đã trả hết nợ nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện, vợ chồng vẫn sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay vì bà H không chấp nhận được khoản nợ của tôi.

Tôi sẽ trả lại và bù đắp thêm cho bà H số tiền bà H đã trả nợ cho tôi với mong muốn vợ chồng giải tỏa mâu thuẫn, hàn gắn đoàn tụ. Nếu bà H kiên quyết ly hôn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của chúng tôi theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp buộc phải ly hôn theo quyết định của Tòa án:

Về con chung: Tôi đồng ý giao con chung tên Trần Đại P, sinh ngày 06/11/2007 cho bà Hạnh trực tiếp nuôi. Bà H không yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con nên tôi sẽ cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của mình.

Về chia tài sản khi ly hôn: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

3.1 Về việc tuân theo pháp luật:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3.2 Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà H yêu cầu ly hôn với ông C. Ông C cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà H và ông C có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa bà **H và ông C** là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 171 quyển số 01 ngày 03/12/2002 của Ủy ban nhân dân phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét, bà **H và ông C phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến nay là sự thật.**

Ông C mong muốn được đoàn tụ và đưa ra giải pháp để hàn gắn tình cảm nhưng không thuyết phục được bà H, bà H vẫn kiên quyết ly hôn vì bà không còn tình cảm với ông C, Hội đồng xét xử nhận thấy: bà H và ông C phát sinh mâu thuẫn đã lâu mà không giải tỏa, hàn gắn được điều này thể hiện hôn nhân giữa bà H và ông C lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H ly hôn với ông C.

[4] Về con chung: Ông C đồng ý giao cho bà H trực tiếp nuôi con chung tên Trần Đại P, sinh ngày 06/11/2007 là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của bà và phù hợp với nguyện vọng của trẻ P nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản khi ly hôn: Bà **H và ông C** không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Căn cứ Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà H phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Tấn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 171 quyển số 01 ngày 03/12/2002 của Ủy ban nhân dân phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

2. Về con chung: Bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Đại P, sinh ngày 06/11/2007.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản khi ly hôn: Bà H và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải nộp án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23P số 0014109 ngày

01/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Ủy ban nhân dân phường G, Quận H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hồng Đào

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hồng Đào

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hồng Đào

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Ủy ban nhân dân phường Bến Nghé, Quận 1;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hồng Đào

